

Số: 3910/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8
năm học 2024 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về phê duyệt và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025 tại Tờ trình số 1382/TTr-HĐTD ngày 23 tháng 8 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025, trong đó có 94 thí sinh trúng tuyển và 376 thí sinh không trúng tuyển (đính kèm kết quả kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8, Phòng Nội vụ Quận 8, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục thông báo kết quả đến thí sinh, thực hiện tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển có tên trong danh sách nêu trên theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng phòng Nội vụ Quận 8, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP (C,PVP,H.Linh);
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thanh Sang



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024 - 2025
(đính kèm Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
1	Hồ Thị Mỹ	Duyên		1999	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Bình Minh			81	81	Trúng tuyển
2	Đỗ Thị Xuân			1997	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Bình Minh				Vắng	Không trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Hồng Phúc			1981	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Bình Minh	Con thương binh	5	67	72	Không trúng tuyển
4	Lê Nguyễn Anh Thuy			1999	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Họa Mi			67	67	Không trúng tuyển
5	Nguyễn Nhị Kiều			1981	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Họa Mi			83	83	Trúng tuyển
6	Hà Vĩnh San			2002	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Họa Mi	DT Hoa	5	65	70	Không trúng tuyển
7	Nguyễn Thị Thanh Hoa			1998	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hoa Phượng			66	66	Không trúng tuyển
8	Nguyễn Thị Mộng Lương			1994	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hoa Phượng			80	80	Trúng tuyển
9	Trần Thị Phương Thảo			1995	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hoa Phượng			70	70	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
10	Lý Phương Thảo		2000	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng		75	75	Không trúng tuyển
11	Ung Thị Bích Vân		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng		79	79	Không trúng tuyển
12	Nguyễn Thị Thu Linh		1995	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng		77	77	Không trúng tuyển
13	Lê Nguyễn Nhật Quỳnh		1982	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng		73	73	Không trúng tuyển
14	Nguyễn Thị Hồng My		1996	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng	Con thương binh	81	86	Trúng tuyển
15	Huỳnh Thị Ngọc Hương		1996	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa		70	70	Không trúng tuyển
16	Lê Thị Tú Anh		1986	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa		65	65	Không trúng tuyển
17	Hoàng Phạm Yến Nhi		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa		81	81	Trúng tuyển
18	Nguyễn Thị Diễm Chi		1993	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa		79	79	Trúng tuyển
19	Mai Thị Minh Tâm		1986	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa		69	69	Không trúng tuyển
20	Dư Thùy Ngân		1992	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa			Vắng	Không trúng tuyển
21	Vũ Thị Kiều Diễm		1995	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa			Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
		Nam	Nữ									
22	Thái Thảo		2002	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ				Vắng	Không trúng tuyển
23	Trần Thị Mỹ		1992	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			66	66	Không trúng tuyển
24	Nguyễn Thùy Triều		1998	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			76	76	Không trúng tuyển
25	Chế Ngọc Hương		1992	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			81	81	Không trúng tuyển
26	Nguyễn Thị Thúy		1992	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			65	65	Không trúng tuyển
27	Phạm Thị Tuyết		1997	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			70	70	Không trúng tuyển
28	Tô Yến		1993	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
29	Nguyễn Hà		1997	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			85	85	Trúng tuyển
30	Nguyễn Hoàng Kim		1998	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ				Vắng	Không trúng tuyển
31	Lê Hoàng		2000	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ				Vắng	Không trúng tuyển
32	Mai Hồng		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			83	83	Trúng tuyển
33	Nguyễn Yến		1999	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			66	66	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành					
		Nam	Nữ							
34	Nguyễn Vũ Huyền		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		66	66	Không trúng tuyển
35	Lê Thị Mỹ		2001	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		70	70	Không trúng tuyển
36	Nguyễn Thị Lệ		1984	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non			Vắng	Không trúng tuyển
37	Vương Thị Ngọc		1988	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	5	70	75	Không trúng tuyển
38	Nguyễn Thị Trường		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		73	73	Không trúng tuyển
39	Trần Thị Hồng		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		75	75	Không trúng tuyển
40	Lê Thị Minh		1999	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non			Vắng	Không trúng tuyển
41	Trần Thị Phụng		1988	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		68	68	Không trúng tuyển
42	Nguyễn Vũ Hoàn		2002	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		66	66	Không trúng tuyển
43	Trần Thị Bích		1991	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		83	83	Trúng tuyển
44	Lê Huỳnh Kim		2002	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		67	67	Không trúng tuyển
45	Nguyễn Trương Ngọc		2000	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		79	79	Trúng tuyển
						Vàng Anh				

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành					
46	Trần Thị Cẩm			1985	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh	70	70	Không trúng tuyển
47	Nguyễn Thị Thanh			1999	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh		Vắng	Không trúng tuyển
48	Đặng Thị Kim			1998	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh		Vắng	Không trúng tuyển
49	Nguyễn Thị Mỹ			1995	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh		Vắng	Không trúng tuyển
50	Nguyễn Thị Thanh			1997	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh		83	Trúng tuyển
51	Trần Thị Linh			1992	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh		65	Không trúng tuyển
52	Phạm Thị Ngọc			2000	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh		65	Không trúng tuyển
53	Ngô Ngọc			2001	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vườn Hồng		79	Trúng tuyển
54	Đinh Thị Huỳnh			1999	CĐ	Sư phạm mầm non	Giáo viên mầm non	Vườn Hồng		69	Không trúng tuyển
55	Vũ Thị			1987	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vườn Hồng		66	Không trúng tuyển
56	Nguyễn Thị Tâm			1996	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học dạy môn Âm nhạc	Vàm Cỏ Đông		Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành					
57	Lê Văn	1986		ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học dạy môn Âm nhạc		55	55	Trúng tuyển
58	Phạm Thị Mỹ		2000	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học dạy môn Mỹ thuật		69.33	69.33	Trúng tuyển
59	Nguyễn Thời	1991		ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học dạy môn Mỹ thuật		66	66	Không trúng tuyển
60	Đặng Thị Thanh		1984	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học dạy môn Mỹ thuật			Vắng	Không trúng tuyển
61	Phạm Thị Quỳnh		1990	Kỹ sư	Công nghệ thông tin, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiểu học dạy môn Tin học		55	55	Trúng tuyển
62	Nguyễn Thị Hồng		1978	ĐH	Công nghệ thông tin, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiểu học dạy môn Tin học		76	76	Trúng tuyển
63	Thái Vĩnh	1999		Kỹ sư CNTT	Công nghệ thông tin, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiểu học dạy môn Tin học	5	76.33	81.33	Trúng tuyển
64	Nguyễn Thành	1999		ĐH	Sư phạm tin học	Giáo viên Tiểu học dạy môn Tin học		60	60	Trúng tuyển
65	Lý Thị Phương		1989	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học Tổng phụ trách đội		63.66	63.66	Trúng tuyển
66	Huỳnh Thị Cẩm		2001	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học Tổng phụ trách đội		71	71	Trúng tuyển
67	Lý Hồng		1994	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học Tổng phụ trách đội		70.66	70.66	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
68	Đỗ Huỳnh Đăng Khoa	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Phan Đăng Lưu			70.33	70.33	Không trúng tuyển
69	Châu Nguyễn Hoàng Dung		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Phan Đăng Lưu			71.66	71.66	Trúng tuyển
70	Trần Hoàng Huy	2000		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	An Phong			71.66	71.66	Không trúng tuyển
71	Phùng Thị Hoài Nhung		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	An Phong			75.66	75.66	Trúng tuyển
72	Bùi Thị Ánh Loan		1996	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			70	70	Không trúng tuyển
73	Huỳnh Thị Kim Kha		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			65.33	65.33	Không trúng tuyển
74	Nguyễn Thụy Huyền Trân		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			60	60	Không trúng tuyển
75	Trần Thị Thảo Nguyên		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			61.66	61.66	Không trúng tuyển
76	Nguyễn Hoàng Mỹ Duyên		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			74.66	74.66	Không trúng tuyển
77	Bành Ngọc Lan Nhi		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục	DT Hoa	5	64.33	69.33	Không trúng tuyển
78	Lê Bình Phương Thảo		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			80.33	80.33	Trúng tuyển
79	Trần Nguyễn Minh Thư		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			68.66	68.66	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)							
80	Huỳnh Thanh	1990			Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			65.66	65.66	Không trúng tuyển
81	Nguyễn Thị Quỳnh		1995		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			77.33	77.33	Trúng tuyển
82	Lý Thảo		1995		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục	DT Hoa	5	66.66	71.66	Không trúng tuyển
83	Lê Ngọc Khánh		2002		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			65.33	65.33	Không trúng tuyển
84	Lưu Yến		2000		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			67	67	Không trúng tuyển
85	Trần Thị Kim		2001		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục				Vắng	Không trúng tuyển
86	Đinh Thy		2002		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục				Vắng	Không trúng tuyển
87	Lê Bảo Ngọc		2002		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục			65.33	65.33	Không trúng tuyển
88	Nguyễn Hà		2002		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hồng Đức	DT Thái	5		Vắng	Không trúng tuyển
89	Đặng Thị Thanh		2002		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hồng Đức			79.66	79.66	Trúng tuyển
90	Nguyễn Thị Ngọc		2001		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú			82	82	Trúng tuyển
91	Lý Minh		2001		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú			69.33	69.33	Không trúng tuyển
92	Nguyễn Võ Quang	2002			Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú			64.66	64.66	Không trúng tuyển
93	Mai Lê Phương		2002		Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú			65.66	65.66	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đang ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CB, TC)	Chuyên ngành					
94	Hồ Thị Kiều		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		63.66	63.66	Không trúng tuyển
95	Trần Thị Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		80	80	Trúng tuyển
96	Nguyễn Thị Dung		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		70	70	Không trúng tuyển
97	Nguyễn Thị		1985	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		78.66	78.66	Trúng tuyển
98	Vân Thị Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		75.66	75.66	Không trúng tuyển
99	Nguyễn Thị Ngọc		1979	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	5	70	75	Không trúng tuyển
100	Trần Huệ		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	5	71.33	76.33	Không trúng tuyển
101	Phạm Thị Thanh		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		70	70	Không trúng tuyển
102	Huỳnh Như		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		78	78	Trúng tuyển
103	Hồ Thị Phương		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		64.66	64.66	Không trúng tuyển
104	Từ Phương		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	5	70.33	75.33	Trúng tuyển
105	Nguyễn Phương		1997	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		61	61	Không trúng tuyển
106	Trương Tuyết		1997	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		60.66	60.66	Không trúng tuyển
107	Dương Quỳnh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		67	67	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
108	Phạm Ngọc Diễm	Uyên	2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			80.66	80.66	Trúng tuyển
109	Trần Thị Kim	Ngân	2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			81.33	81.33	Trúng tuyển
110	Nguyễn Thị Nhã	Trúc	2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			77.33	77.33	Không trúng tuyển
111	Lê Thanh	Trúc	1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn				Vắng	Không trúng tuyển
112	Nguyễn Thị Bích	Hồng	1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			60.33	60.33	Không trúng tuyển
113	Lê Huỳnh Thanh	Thảo	2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			82.66	82.66	Trúng tuyển
114	Trần Thị Cẩm	Thúy	2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			75.33	75.33	Không trúng tuyển
115	Nguyễn Xuân Thanh	Vy	2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			78.66	78.66	Không trúng tuyển
116	Võ Thị Ngọc	Trâm	1994	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			64.66	64.66	Không trúng tuyển
117	Phan Huỳnh Nhật	Linh	1994	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			61.33	61.33	Không trúng tuyển
118	Bạch Thị Thanh	Thúy	1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn				Vắng	Không trúng tuyển
119	Lê Thị Hà	My	1997	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn				Vắng	Không trúng tuyển
120	Trương Thị	Diện	1987	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn	DT Mường	5		Vắng	Không trúng tuyển
121	N'Jàn	Như	2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn	DT Kơ Ho	5	60.66	65.66	Không trúng tuyển
122	Trần Thị Như	Quỳnh	2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			66	66	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
123	Trần Thanh Thùy		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			62.33	62.33	Không trúng tuyển
124	Lương Thị Thu		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			60.33	60.33	Không trúng tuyển
125	Nguyễn Thị Mỹ		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn				Vắng	Không trúng tuyển
126	Trần Quốc	1987		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn	Con bệnh binh	5	60	65	Không trúng tuyển
127	Huỳnh Hiếu		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			71	71	Không trúng tuyển
128			2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục	DT Châm	5	80.33	85.33	Trúng tuyển
129	Phạm Thị Phương		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			70.33	70.33	Không trúng tuyển
130	Nguyễn Lê Phương		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
131	Lương Phương		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			63.33	63.33	Không trúng tuyển
132	Hoàng Thị Thanh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			60	60	Không trúng tuyển
133	Nguyễn Kim		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			53.33	53.33	Không trúng tuyển
134	Lê Thị Xuân		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			72.66	72.66	Không trúng tuyển
135	La Mai Thanh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			60.33	60.33	Không trúng tuyển
136	Phan Thị Tuyết		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			70.33	70.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
137	Lê Tường	Vy		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			72	72	Không trúng tuyển
138	Phạm Thị	Huỳnh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			68.66	68.66	Không trúng tuyển
139	Đoàn Lê Ngọc	Vân		1986	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
140	Nguyễn Phương	Huyền		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
141	Huỳnh Lê Hạ	Vy		2000	ĐH	Sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			78	78	Trúng tuyển
142	Võ Bùi Hồng	Phương		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
143	Nguyễn Thị Huyền	Trang		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			64.66	64.66	Không trúng tuyển
144	Mai Thị Diễm	Quỳnh		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			67.66	67.66	Không trúng tuyển
145	Đoàn Nguyễn Trâm	Anh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
146	Phạm Nguyễn Phương	Uyên		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			74.66	74.66	Không trúng tuyển
147	Huỳnh Thị Ngoan	Em		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			62.66	62.66	Không trúng tuyển
148	Nguyễn Bá Minh	Hà		1978	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
149	Huỳnh Thị Bích	Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			71.33	71.33	Không trúng tuyển
150	Bùi Thị Minh Huyền	Trang		1987	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
151	Hà Thị Kim	Khánh		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			65.33	65.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đang ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CB, TC)	Chuyên ngành					
152	Trần Thị Diễm		2002	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục			Vắng	Không trúng tuyển
153	Nguyễn Thành Vũ	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục		80.66	80.66	Trúng tuyển
154	Trần Ngọc	1997		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục		78	78	Không trúng tuyển
155	Lý Phương	2000		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục		79.66	79.66	Không trúng tuyển
156	Lê Hoàng	1994		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục			Vắng	Không trúng tuyển
157	Phan Gia	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục		79.66	79.66	Trúng tuyển
158	Nguyễn Thị Như		2001	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục		75.33	75.33	Không trúng tuyển
159	Nguyễn Văn	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục		78.33	78.33	Không trúng tuyển
160	Lưu Nguyễn Trọng	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục		66	66	Không trúng tuyển
161	Nguyễn Phan Ngọc		2000	ĐH	Sư phạm TĐTT	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục			Vắng	Không trúng tuyển
162	Huỳnh Ngọc Thanh	2001		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn			Vắng	Không trúng tuyển
163	Nguyễn Thị Thu		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		81.67	81.67	Trúng tuyển
164	Đoàn Nguyễn Như		1995	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		79.33	79.33	Không trúng tuyển
165	Nguyễn Thị Kim		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn			Vắng	Không trúng tuyển
166	Trần Thị Trúc		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn		74.33	74.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
167	Trần Như	Ngọc		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			75	75	Không trúng tuyển
168	Nguyễn Thị	Nga		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			86.33	86.33	Trúng tuyển
169	Trần Ngọc	Sang		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			77.33	77.33	Không trúng tuyển
170	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			75	75	Không trúng tuyển
171	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			71	71	Không trúng tuyển
172	Phạm Ngọc Hà	My		1987	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			82.33	82.33	Không trúng tuyển
173	Nguyễn Ngọc Minh	Hạnh		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			86.33	86.33	Trúng tuyển
174	Nguyễn Thị Minh	Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			74	74	Không trúng tuyển
175	Nguyễn Ái	Duyên		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			69.67	69.67	Không trúng tuyển
176	Nguyễn Thị	Hà		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			80	80	Không trúng tuyển
177	Lê Như	Tâm		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
178	Lê Bảo	Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			74.67	74.67	Không trúng tuyển
179	Ngô Uyên	Phuong		1997	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			78	78	Không trúng tuyển
180	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CB, TC)	Chuyên ngành							
181	Nguyễn Ngọc Minh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			74	74	Không trúng tuyển
182	Lâm Sang	1994		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng	DT Hoa	5	69.67	74.67	Không trúng tuyển
183	Nguyễn Hữu Thiên	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			87	87	Trúng tuyển
184	Phạm Quỳnh			ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			81.67	81.67	Không trúng tuyển
185	Nguyễn Phương	1997		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			85.67	85.67	Không trúng tuyển
186	Phạm Đoàn Thanh		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			70	70	Không trúng tuyển
187	Bùi Thị Kiều		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			73	73	Không trúng tuyển
188	Nguyễn Thị Hải		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			75	75	Không trúng tuyển
189	Nguyễn Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân				Vắng	Không trúng tuyển
190	Lê Võ Gia		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			87.67	87.67	Trúng tuyển
191	Phan Thị		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			80	80	Không trúng tuyển
192	Võ Gia		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			77.67	77.67	Không trúng tuyển
193	Đàm Thị Thu		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74	74	Không trúng tuyển
194	Quan Bảo		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân	DT Hoa	5	70	75	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
195	Phạm Anh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			68	68	Không trúng tuyển	
196	Lê Mạnh		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74	74	Không trúng tuyển	
197	Son Nhã		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân	DT Khmer	5	83.67	88.67	Trúng tuyển	
198	Huỳnh Trần Mỹ		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			70.33	70.33	Không trúng tuyển	
199	Phạm Lê Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74.67	74.67	Không trúng tuyển	
200	Hồ Thị Ngọc		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			78.67	78.67	Không trúng tuyển	
201	Đoàn Ngọc Trang		1995	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			68	68	Không trúng tuyển	
202	Lê Minh	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			80	80	Không trúng tuyển	
203	Lê Thị Ngọc		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân				Vắng	Không trúng tuyển	
204	Viên Mẫn		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân	DT Hoa	5	70.67	75.67	Không trúng tuyển	
205	Nguyễn Phương Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74.67	74.67	Không trúng tuyển	
206	Nguyễn Việt		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân				Vắng	Không trúng tuyển	
207	Trần Thủy		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			65	65	Không trúng tuyển	
208	Đặng Thị Ngọc		1996	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74	74	Không trúng tuyển	
209	Trần Thị Thanh		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74.67	74.67	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
		Nam	Nữ									
210	Dương Cẩm		1996	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyên Hân				Vắng	Không trúng tuyển
211	Nguyễn Hoàng	1999		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			81.67	81.67	Không trúng tuyển
212	Đặng Thị Thu		1987	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			87	87	Trúng tuyển
213	Ngô Thị Mỹ		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển
214	Đỗ Ngọc Chấn	1996		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2.5	79.67	82.17	Không trúng tuyển
215	Lê Kinh	1996		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển
216	Bùi Thị Hồng		1997	ĐH	Ngôn ngữ Anh, cao đẳng sư phạm tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			75.67	75.67	Không trúng tuyển
217	Bùi Thị		2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			69.33	69.33	Không trúng tuyển
218	Từ Trúc		1999	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiếng anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển
219	Huỳnh Thị Kim		1996	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
220	Bùi Thị Hồng	Loan		1978	ĐH	Ngôn ngữ Anh, cao đẳng sư phạm	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển
221	Trần Thị Thanh	Mai		1994	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo	DT Hoa	5	77.67	82.67	Trúng tuyển
222	Lê Mỹ	Vân		1999	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
223	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Tú		1982	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			74	74	Không trúng tuyển
224	Trương Trung Hiếu	Hiếu	1997		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên tiểu học dạy Tiếng Anh	Hồng Đức	Con thương binh	5	45.67	50.67	Không trúng tuyển
225	Võ Thị Nhân	Nhân		1993	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lưu Hữu Phước				Vắng	Không trúng tuyển
226	Trần Nguyễn Anh Thư	Thư		1995	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lưu Hữu Phước			69.33	69.33	Không trúng tuyển
227	Trần Thị Thanh Tú	Tú		1988	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiếng anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lưu Hữu Phước			71	71	Trúng tuyển
228	Phạm Thị Cẩm Tuyết	Tuyết		1995	ĐH	Sư phạm Anh	Giáo viên tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			70	70	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
229	Lê Thị Thanh	Hiện		1997	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			80	80	Trúng tuyển
230	Bùi Ý	Thư		2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông				Vắng	Không trúng tuyển
231	Lý Vinh	Kiên	1982		ĐH	Anh văn, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
232	Hoàng Thị	Tươi		1992	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			76.33	76.33	Không trúng tuyển
233	Lê Thị Hoài	Thương		1999	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			77.67	77.67	Trúng tuyển
234	Phan Mai Hoài	Thương		1994	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông				Vắng	Không trúng tuyển
235	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		1992	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			75.33	75.33	Không trúng tuyển
236	Nguyễn Hoàng Minh	Thư		1996	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Công Trứ				Vắng	Không trúng tuyển
237	Trần Thị Thu	Thảo		2001	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Công Trứ			80	80	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
238	Phạm Trần Hoàng		Trâm	2002	Sư phạm Tiếng Anh	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Trục		84.33	84.33	Trúng tuyển
239	Trần Xuân		Mai	1985	Ngôn ngữ Anh, cử nhân giáo dục tiểu học	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Trục		74.67	74.67	Không trúng tuyển
240	Đỗ Xuân		Tuyền	1996	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ tiếng Anh tiểu học	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Trục		70	70	Không trúng tuyển
241	Trịnh Trọng	2000	Nguyễn	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Trục	5	73	78	Không trúng tuyển
242	Phạm Thị		Thúy	1995	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Tuy Lý Vương		80	80	Trúng tuyển
243	Huỳnh Thị Quỳnh		Hương	1997	Sư phạm Tiếng Anh	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Tuy Lý Vương		75	75	Không trúng tuyển
244	Bùi Hoàng		Oanh	1999	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Tuy Lý Vương		65	65	Không trúng tuyển
245	Đàm Thùy		Trang	2000	Sư phạm Tiếng Anh	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Trần Danh Lâm		70	70	Không trúng tuyển
246	Phan Thị Mỹ		Trần	1999	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Trần Danh Lâm		70	70	Không trúng tuyển
247	Vũ Ngọc Thanh		Vân	2001	Sư phạm Tiếng Anh	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Trần Danh Lâm		80	80	Trúng tuyển
248	Trương Nguyễn Mạnh	2001	Đình	ĐH	Giáo dục thể chất	ĐH	Giao viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm		78.33	78.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
249	Huỳnh Cao	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao				Vắng	Không trúng tuyển
250	Nguyễn Minh	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển
251	Huỳnh Phúc	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo			74.67	74.67	Không trúng tuyển
252	Nguyễn Lê Minh	1996		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo			80	80	Trúng tuyển
253	Đặng Thế	2000		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
254	Huỳnh Công	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm				Vắng	Không trúng tuyển
255	Nguyễn Công	1993		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao			74	74	Không trúng tuyển
256	Lê Tấn	1981		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao				Vắng	Không trúng tuyển
257	Bùi Thủy		2002	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm				Vắng	Không trúng tuyển
258	Nguyễn Thị Thu		2002	ĐH	Giáo viên thể dục	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao				Vắng	Không trúng tuyển
259	Trần Thị Thúy		1997	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo			76.33	76.33	Không trúng tuyển
260	Lê Thị Cẩm		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			47	47	Không trúng tuyển
261	Nguyễn Thị		1998	ĐH	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
262	Bùi Thị Minh	Anh		1998	ĐH	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng	DT Mường	5	34	39	Không trúng tuyển
263	Nguyễn Thị	Hà		1994	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
264	Trương Kim	Long	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			72	72	Trúng tuyển
265	Thái Ngọc	Bích		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			60	60	Không trúng tuyển
266	Nguyễn Ngọc	Bảo	1999		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			60	60	Không trúng tuyển
267	Phạm Thị	Huế		1995	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
268	Trương Thị Kiều	Trinh		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
269	Hà Kiều	Anh		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
270	Phạm Thị Thúy	Nhân		1997	ĐH	Sư phạm sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
271	Trần Thành Nhân	1995		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng		27	27	27	Không trúng tuyển
272	Dương Thị Văn		1994	ĐH	Sư phạm Sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng		50	50	50	Không trúng tuyển
273	Lê Thị Mỹ Thanh		1991	ĐH	Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai		62	62	62	Không trúng tuyển
274	Đặng Thị Thủy		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai		47	47	47	Không trúng tuyển
275	Nguyễn Ngọc Mai Quỳnh		2000	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai		60	60	60	Không trúng tuyển
276	Đỗ Anh Khuê	1992		Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai		67	67	67	Trúng tuyển
277	Ngô Hoàng Thiện Khang	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
278	Nguyễn Đỗ Thùy Trang		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
279	Hồng Kiều My		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
280	Nguyễn Thị Phương Thi		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
281	Trần Minh	1987	Tính	ĐH	Sư phạm hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			0	Vắng	Không trúng tuyển
282	Đoàn Thị Yến	1995	Linh	Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
283	Huỳnh Thị Kim	1993	Trâm	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			35	35	Không trúng tuyển
284	Phạm Thị	1988	Mây	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			43	43	Không trúng tuyển
285	Lê Nguyễn Ngọc	2001	Hân	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
286	Trần Anh	1998	Vũ	ĐH	Sư phạm sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
287	Nguyễn Huyền Phong	1994	Trinh	ĐH	Vật lý học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			45	45	Không trúng tuyển
288	Nguyễn Thu	2001	Thảo	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			70	70	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
289	Nguyễn Thị Minh		1995	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
290	Trần Ngọc		1995	ĐH	Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
291	Bạch Cẩm		2001	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			48	48	Không trúng tuyển
292	Lê Trần Gia		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			66	66	Không trúng tuyển
293	Hồ Nguyễn Bích		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương			68	68	Không trúng tuyển
294	Lê Hoàng	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương			53	53	Không trúng tuyển
295	Đặng Trần Bảo	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương			44	44	Không trúng tuyển
296	Trần Yến		2001	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương			55	55	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
297	Vũ Thị Hồng			ĐH	Sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương	Con thương binh	5		Vắng	Không trúng tuyển
298	Nguyễn Văn Thành	2001		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương			65	65	Không trúng tuyển
299	Lại Võ Kim		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương			75	75	Trúng tuyển
300	Vũ Hải	1997		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương			60	60	Không trúng tuyển
301	Võ Thị Diễm		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương				Vắng	Không trúng tuyển
302	Nguyễn Thị Bích		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Tùng Thiện Vương				Vắng	Không trúng tuyển
303	Nguyễn Phi	1991		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh				Vắng	Không trúng tuyển
304	Nguyễn Văn	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh			53	53	Không trúng tuyển
305	Hà Văn	1998		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh	DT Thái	5	43	48	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
306	Ung Thanh	1996		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh			78	78	Trúng tuyển
307	Vũ Kim		1995	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh			64	64	Không trúng tuyển
308	Nguyễn Thị		2001	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh			42	42	Không trúng tuyển
309	Phan Võ Thu		1994	ĐH	Sư phạm sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh				Vắng	Không trúng tuyển
310	Trần Thị		2000	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh				Vắng	Không trúng tuyển
311	Trần Thị Diệu		2001	ĐH	Sư phạm hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh				Vắng	Không trúng tuyển
312	Hồng Vĩ	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh	DT Hoa	5	56	61	Không trúng tuyển
313	Nguyễn Thị Thanh		2001	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh			70	70	Không trúng tuyển
314	Nguyễn Thị Thanh		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh			52	52	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
315	Lâm Văn Cường	1998		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Trần Danh Ninh			40	40	Không trúng tuyển
316	Giang Huệ Phương		1999	ĐH	Sư phạm toán học	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Bình An	DT Hoa	5	48	53	Không trúng tuyển
317	Bùi Thanh Hải	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Bình An			44	44	Không trúng tuyển
318	Sú Hoài Thanh		1994	Thạc sĩ	Toán học	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Bình An	DT Nùng	5		Vắng	Không trúng tuyển
319	Huỳnh Ngọc Nhật	1997		Thạc sĩ	Toán, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Bình An			71	71	Trúng tuyển
320	Nguyễn Quốc Vinh Quang	2002		ĐH	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
321	Ngô Nguyễn Quốc Bảo	2001		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai			50	50	Không trúng tuyển
322	Lại Văn Giàu	1996		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai			44	44	Không trúng tuyển
323	Lê Thị Minh Hương		1991	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
324	Phạm Nguyễn Đăng Huy	1997		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai			63	63	Không trúng tuyển
325	Trần Tuấn Dũng	1983		ĐH	Toán, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai			70	70	Trúng tuyển
326	Nguyễn Thị Thanh Huyền		2001	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai			55	55	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
327	Lê Mẫn		2000	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
328	Trần Minh	2001		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai			45	45	Không trúng tuyển
329	Trương Nam	1985		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai	Hoàn thành nghĩa vụ Quân sự	2.5		Vắng	Không trúng tuyển
330	Đông Văn	1994		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			42	42	Không trúng tuyển
331	Phạm Đỗ Tài	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
332	Trương Cát Vy		2001	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			78	78	Trúng tuyển
333	Nguyễn Hoàng Phúc	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			49	49	Không trúng tuyển
334	Lý Nhật Bảo Phương	2001		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
335	Nguyễn Thế Nhân	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			62	62	Không trúng tuyển
336	Nguyễn Hoàng Hải	1999		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			54	54	Không trúng tuyển
337	Trần Thị Cẩm Tiên		1995	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
338	Cao Minh Thắng	2001		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			47	47	Không trúng tuyển
339	Nguyễn Thị Huyền Thương		2001	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CB, TC)	Chuyên ngành							
340	Huỳnh Thanh	Thảo		2002	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			43	43	Không trúng tuyển
341	Nguyễn Minh		1987		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh	Bộ đội xuất ngũ	2.5	40	42.5	Không trúng tuyển
342	Trương Anh	Sỹ	1993		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			33	33	Không trúng tuyển
343	Trần Minh	Đức	1992		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh				Vắng	Không trúng tuyển
344	Lê Thị Lan	Hương		2002	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			40	40	Không trúng tuyển
345	Nguyễn Thành	Tiến	1998		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			40	40	Không trúng tuyển
346	Nguyễn Trung	Việt	1996		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			55	55	Không trúng tuyển
347	Nguyễn Đình	Bách	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh				Vắng	Không trúng tuyển
348	Phạm Văn	Phúc	1988		ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			65	65	Trúng tuyển
349	Trần Kiến	Năng	2000		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh	DT Hoa	5	50	55	Không trúng tuyển
350	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc		2000	ĐH	Sư phạm toán học	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			30	30	Không trúng tuyển
351	Sơn Ngọc	Dương	1988		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh	DT Khome	5	68	73	Trúng tuyển
352	Lê Thị Thảo	Uyên		1997	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			65	65	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đang ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành					
353	Nguyễn Văn	1986		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh		Vắng	Không trúng tuyển
354	Phạm Hoàng		1994	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh	60	60	Không trúng tuyển
355	Bích Văn	1989		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh	62	67	Không trúng tuyển
356	Đỗ Thị Thanh		2001	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh		Vắng	Không trúng tuyển
357	Nguyễn Thị Kim		1978	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh		Vắng	Không trúng tuyển
358	Nguyễn Trọng	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh		Vắng	Không trúng tuyển
359	Nguyễn Hồng		2002	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh		Vắng	Không trúng tuyển
360	Huỳnh Nguyễn	1989		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng	5	90	Trúng tuyển
361	Nguyễn Tiến	1998		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng	55	55	Không trúng tuyển
362	Phan Thanh	1999		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng	45	45	Không trúng tuyển
363	Huỳnh Phương	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng		Vắng	Không trúng tuyển
364	Nguyễn Huỳnh Minh	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng	70	70	Không trúng tuyển
365	Phạm Văn	1993		ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS dạy Âm nhạc	Bình Đông		Vắng	Không trúng tuyển
366	Lê Ái Xuân		1996	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS dạy Âm nhạc	Sương Nguyệt Anh		Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
367	Nguyễn Thị Diệu		2002	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS dạy Âm nhạc	Tùng Thiện Vương			63	63	Trúng tuyển
368	Nguyễn Duy Đoàn	2000		ĐH	Sư phạm âm nhạc	Giáo viên THCS dạy Âm nhạc	Lê Lai			70	70	Trúng tuyển
369	Huỳnh Thị Quỳnh		2000	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên THCS dạy môn Mỹ thuật	Sương Nguyệt Anh			75	75	Trúng tuyển
370	Nguyễn Tuấn Phi	2000		ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên THCS dạy môn Mỹ thuật	Phú Lợi			55	55	Trúng tuyển
371	Lê Thị Thanh Hương		1983	ĐH	Sư phạm KT Công nghiệp	Giáo viên THCS dạy môn Công nghệ	Sương Nguyệt Anh			55	55	Trúng tuyển
372	Nguyễn Thanh Tông	1996		ĐH	Sư phạm Công nghệ	Giáo viên THCS dạy môn Công nghệ	Lê Lai			51	51	Trúng tuyển
373	Phan Thị Dung		1990	ĐH	Sư phạm Công nghệ	Giáo viên THCS dạy môn Công nghệ	Sương Nguyệt Anh				Vắng	Không trúng tuyển
374	Nguyễn Thị Ngọc Thanh		1999	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCC	Bình Đông				Vắng	Không trúng tuyển
375	Trần Thị Hồng Thắm		1998	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCC	Bình Đông			55	55	Không trúng tuyển
376	Huỳnh Bình Yến Linh		1999	ĐH	Sư phạm giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCC	Bình Đông	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
377	Võ Thị Trúc Linh		2002	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCC	Bình Đông			65	65	Trúng tuyển
378	Khâu Thị Kim Chúc		1997	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCC	Tùng Thiện Vương	DT Khome	5	66	71	Không trúng tuyển
379	Lê Thúy Vân		2002	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCC	Tùng Thiện Vương				Vắng	Không trúng tuyển
380	Tô Bảo Vy		2001	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCC	Tùng Thiện Vương	DT Hoa	5	72	77	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành					
381	Đinh Thị Diễm	My	2002	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Tùng Thiện Vương	82	82	Trúng tuyển
382	Nguyễn Lê Hồng	Mai	2002	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Tùng Thiện Vương	58	58	Không trúng tuyển
383	Trương Tuấn	Khang	2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc		Vắng	Không trúng tuyển
384	Đoàn Lê Thanh	Phong	1992	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc	80	80	Trúng tuyển
385	Vũ Hồng	Trần	1996	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc	55	55	Không trúng tuyển
386	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1998	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc	65	65	Không trúng tuyển
387	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc	76	76	Không trúng tuyển
388	Trần Thị Kiều	Loan	1996	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc	70	70	Không trúng tuyển
389	Nguyễn Thu	Hiền	1990	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc		Vắng	Không trúng tuyển
390	Nguyễn Thu	Thảo	2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc		Vắng	Không trúng tuyển
391	Nguyễn Thanh	Xuân	2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc	78	78	Không trúng tuyển
392	Nguyễn Thủy Ngọc	Trần	2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình	77	77	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
393	Tạ Hoàng	1993		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình			51	51	Không trúng tuyển
394	Trần Hòa Nhật		2000	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình			60	60	Không trúng tuyển
395	Nguyễn Quỳnh		2001	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình				Vắng	Không trúng tuyển
396	Nguyễn Lâm Thúy		1996	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình			64	64	Không trúng tuyển
397	Nguyễn Minh	1994		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			65	65	Không trúng tuyển
398	Trương Thị Thanh		1978	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
399	Trần Huỳnh Thảo		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			55	55	Không trúng tuyển
400	Nguyễn Phạm Phương		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			75	75	Không trúng tuyển
401	Trương Nguyễn Ngọc		1988	ĐH	Ngữ văn Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			60	60	Không trúng tuyển
402	Lý Duy	1984		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông	DT Hoa	5	77	82	Trúng tuyển
403	Lâm Thanh		1994	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			41	41	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CD, TC)	Chuyên ngành							
404	Nguyễn Quốc Hưng	2002		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			63	63	Không trúng tuyển
405	Lê Trần Kim Hương		1999	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
406	Đàm Khánh Linh		2001	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
407	Nguyễn Lê Thùy Tiên		2001	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
408	Đinh Thị Huyền Diệu		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
409	Võ Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi		2000	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
410	Tăng Minh Tâm	1994		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			70	70	Không trúng tuyển
411	Nguyễn Phước Thiện	1989		ĐH	Ngữ văn Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			63	63	Không trúng tuyển
412	Nguyễn Thị Hồng Đào		1993	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			85	85	Trúng tuyển
413	Dương Kim Yến		1996	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông	DT Hoa	5	66	71	Không trúng tuyển
414	Võ Châu Huỳnh Anh		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			62	62	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
415	Nguyễn Ngọc	Hân	2001	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			62	62	Không trúng tuyển
416	Nguyễn Huy Loan	Anh	1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
417	Nguyễn Ngọc Minh	Hiếu	2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
418	Mai Ngọc Minh	Anh	2000	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
419	Phan Thị Thái	Hà	2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			67	67	Không trúng tuyển
420	Trần Thị Vân	Anh	1990	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			48	48	Không trúng tuyển
421	Trương Trần Loan	Ngọc	1994	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			65	65	Không trúng tuyển
422	Trương Thị Thanh	Thùy	1978	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
423	Đoàn Thị Hồng	Hạnh	2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
424	Trịnh Minh	Ngọc	2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			70	70	Không trúng tuyển
425	Nguyễn Yên	Ngân	1990	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
426	Nguyễn Duy	Khanh	2000	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
427	Nguyễn Hồng	Vân	1993	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			65	65	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
428	Lê Đăng Thúy		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			Vắng	Không trúng tuyển
429	Nguyễn Thị Hà		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông		55	55	Không trúng tuyển
430	Lê Thị		1995	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng		70	70	Trúng tuyển
431	Nguyễn Trần Anh		2002	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng		67	67	Trúng tuyển
432	Bùi Thị Huệ		1994	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng		65	65	Không trúng tuyển
433	Nguyễn Thị Khánh		2002	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng		55	55	Không trúng tuyển
434	Vũ Tín	2002		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng			Vắng	Không trúng tuyển
435	Ngô Kim	1996		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng	5		Vắng	Không trúng tuyển
436	Ngô Nguyễn		1997	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy môn Văn	Chánh Hưng		53	53	Không trúng tuyển
437	Nguyễn Thị Tuyết		1982	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy môn Văn	Trần Danh Ninh		48	48	Không trúng tuyển
438	Huỳnh Thanh		1999	ĐH	Sư phạm lịch sử, chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý	Giáo viên THCS Lịch sử - Địa lý	Bình An		55	55	Trúng tuyển
439	Hồng Thị Yến		1998	ĐH	Sư phạm lịch sử, chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý	Giáo viên THCS Lịch sử - Địa lý	Bình An		65	65	Trúng tuyển
440	Lâm Gia		2002	ĐH	Sư phạm lịch sử- địa lý	Giáo viên THCS Lịch sử và địa lý	Sương Nguyệt Anh	5	70	75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành					
441	Cáp Thị		1984	ĐH	Hành chính học	Âu Dương Lân	5	79	84	Trúng tuyển
442	Châu Ngọc Phương		1999	ĐH	Quản lý nhà nước	Âu Dương Lân		78.5	78.5	Không trúng tuyển
443	Nguyễn Thị Hiệp		2000	Cử nhân	Chính trị học, chứng chỉ quản trị văn phòng và công tác văn thư - lưu trữ	Âu Dương Lân		78	78	Không trúng tuyển
444	Nguyễn Thụy Bích		1990	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Âu Dương Lân			Vắng	Không trúng tuyển
445	Đào Ngọc Hà		1999	ĐH	Luật Kinh tế	Âu Dương Lân		62.5	62.5	Không trúng tuyển
446	Nguyễn Tuấn Anh	1995		ĐH	Kế toán, chứng chỉ quản trị văn phòng và công tác văn thư - lưu trữ	Âu Dương Lân		78	78	Không trúng tuyển
447	Nguyễn Thị Dạ		1998	ĐH	Quản lý nhà nước	Âu Dương Lân		75.5	75.5	Không trúng tuyển
448	Trương Thị		2000	ĐH	Luật	Bình Đông	5	66.5	71.5	Không trúng tuyển
449	Lưu Thị Hoàng		1999	ĐH	Quản lý nhà nước	Bình Đông			Vắng	Không trúng tuyển
450	Võ Thị Tuyết		1991	ĐH	Quản trị kinh doanh	Bình Đông		73	73	Trúng tuyển
451	Thái Thị Lệ		1977	TC	Văn thư - Lưu trữ	Bình An		82	82	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Chuyên ngành						
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)						
452	Kim	1986		TC	Công tác xã hội, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư		68	68	Trúng tuyển
453	Nguyễn Hạnh		2001	ĐH	Quản lý giáo dục, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư		61	61	Không trúng tuyển
454	Lê Thị		1990	TC	Văn thư - Lưu trữ	Văn thư		58	58	Trúng tuyển
455	Đỗ Tuấn	1987		ĐH	Tin học, chứng chỉ quản trị văn phòng và công tác văn thư - lưu trữ	Văn thư	5	68	73	Trúng tuyển
456	Tô Cẩm		1985	ĐH	Kế toán, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư		61,5	61,5	Trúng tuyển
457	Trương Hồng		1982	TC	Văn thư - Lưu trữ	Văn thư		51	51	Không trúng tuyển
458	Lâm Thị Bích		1989	CĐ	Kế toán, Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư	5	51	56	Trúng tuyển
459	Nguyễn Huỳnh Diễm		1989	ĐH	Tâm lý giáo dục, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư		53,5	53,5	Không trúng tuyển
460	Quách Ngọc		2001	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán		60	65	Không trúng tuyển
461	Nguyễn Thị Ngọc		1988	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán		80	80	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
462	Phan Thanh		1992	ĐH	Kế toán	Kế toán	Bông Sen	Cen bệnh binh	5		Vắng	Không trúng tuyển
463	Nguyễn Ngọc Bích		2001	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Bông Sen				Vắng	Không trúng tuyển
464	Nguyễn Hữu	1998		ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Hy Vọng			50	50	Không trúng tuyển
465	Lý Ngọc Diễm		1986	ĐH	Kế toán	Kế toán	Hy Vọng			80	80	Trúng tuyển
466	Đào Ngọc Xuân	1989		ĐH	Kế toán	Kế toán	Hy Vọng				Vắng	Không trúng tuyển
467	Trần Thị Kim		1988	CĐ	Công nghệ thực phẩm, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tin - Thư viện	Thư viện	Trần Danh Ninh			70	70	Trúng tuyển
468	Trần Thị Mỹ		1997	ĐH	Truyền thông văn hóa, Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện	Thư viện	Lê Lai			75	75	Trúng tuyển
469	Nguyễn Thụy Mộng		1983	ĐH	Luật, chứng chỉ bồi dưỡng thư viện, thiết bị, trường học	Thư viện	Khánh Bình			64	64	Trúng tuyển
470	Huỳnh Thị Thanh		1991	TC	Thư viện thiết bị	Thư viện	Lê Lai			60	60	Không trúng tuyển

(1): THCS: Trung học cơ sở
KHTN: Khoa học tự nhiên;
GD&ĐT: Giáo dục công dân;
QTCS: Quân trị công sở